

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



VÕ TẤN TRIỆU

THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ
Ở VIỆT NAM

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2019

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	4
4. Đối tượng nghiên cứu	4
5. Phạm vi nghiên cứu	5
6. Phương pháp nghiên cứu	5
7. Những đóng góp của luận văn.....	5
8. Kết cấu của luận văn.....	6
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ Ở VIỆT NAM.....	6
1.1. Một số vấn đề lý luận về quyền sở hữu trí tuệ	6
1.1.1. Khái niệm về quyền sở hữu trí tuệ	6
1.1.2. Đặc điểm của quyền sở hữu trí tuệ.....	7
1.1.3. Vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ	7
1.2. Khái niệm và khung pháp lý về thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam.....	8
1.2.1. Khái niệm thực thi quyền sở hữu trí tuệ.....	8
1.2.2. Đặc điểm thực thi quyền sở hữu trí tuệ	9
1.2.3. Khung pháp luật về thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam.....	9
1.3. Các biện pháp thực thi quyền sở hữu trí tuệ.....	12
1.3.1. Thực thi quyền SHTT bằng biện pháp dân sự	12
1.3.2. Thực thi quyền SHTT bằng biện pháp hành chính	12
1.3.3. Thực thi quyền SHTT bằng biện pháp kiểm soát biên giới	13
1.3.4. Thực thi quyền SHTT bằng biện pháp hình sự	13
1.4. Tác động của việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam trong hoàn thiện pháp luật và phát triển kinh tế quốc gia.....	13
1.4.1. Đối với hệ thống pháp luật về SHTT	13
1.4.2. Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.....	13
1.4.3. Đối với công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế.....	14
TIÊU KẾT CHƯƠNG 1	14
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI VIỆT NAM.....	15
2.1. Thực trạng pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.....	15
2.1.1. Xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả và quyền liên quan	15
2.1.2. Xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.....	16
2.1.3. Xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với giống cây trồng.....	17

2.2. Thực trạng pháp luật về các biện pháp thực thi quyền sở hữu trí tuệ ..	18
2.2.1. Thực thi quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp dân sự.....	18
2.2.2. Thực thi quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hành chính	18
2.2.3. Thực thi quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hình sự	19
2.3. Thực tiễn về những bất cập trong thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam	21
2.3.1. Thực tiễn bất cập trong thực thi quyền tác giả.....	21
2.3.2. Thực tiễn bất cập trong thực thi quyền sở hữu công nghiệp	21
2.4. Nguyên nhân của tình trạng vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ	24
2.4.1. Nguyên nhân khách quan.....	24
2.4.2. Nguyên nhân chủ quan.....	25
Tiểu kết chương 2.....	25
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ Ở VIỆT NAM.....	26
3.1 Định hướng hoàn thiện pháp luật về thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam	26
3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam	27
3.2.1. Giải pháp chung	27
3.2.2. Giải pháp loại bỏ xung đột giữa tên thương mại và nhãn hiệu.....	27
3.2.3. Giải pháp giải quyết xung đột giữa khiếu nại công nghiệp với các đối tượng khác của quyền sở hữu trí tuệ.....	27
3.2.4. Giải pháp về kiểm soát biên giới đối với hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.....	28
3.2.5. Giải pháp phối giữa các cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ....	29
3.2.6. Giải pháp tăng cường vai trò của tòa án	30
Tiểu kết chương 3.....	31
KẾT LUẬN	31
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh hiện nay, khi nhu cầu hội nhập là vấn đề mang tính tất yếu khách quan, kinh tế tri thức chiếm tỉ trọng cao trong nền kinh tế toàn cầu thì vấn đề quyền sở hữu trí tuệ được đặt ra là vấn đề bức thiết của bất cứ quốc gia nào, đặc biệt là Việt Nam. Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 chỉ rõ: “Việc hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, hình thành và phát triển thị trường khoa học, công nghệ theo hướng phù hợp yêu cầu của WTO và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên là việc làm cấp bách”.

Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009 đã có nhiều tiến bộ trong việc bổ sung các quy định còn thiếu, các quy định mới về sở hữu trí tuệ, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các quy định pháp luật và giữa các quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ của các ngành luật khác; đảm bảo tương thích giữa các quy định sở hữu trí tuệ Việt Nam và các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đảm bảo các quy định phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Tuy nhiên, trước xu thế toàn cầu hóa về kinh tế diễn ra ngày càng sâu sắc, cùng với sự phát triển không ngừng của khoa học – công nghệ, hệ thống bảo hộ sở hữu trí tuệ ở nước ta đã và đang bộc lộ nhiều hạn chế, tình trạng vi phạm pháp luật sở hữu trí tuệ ngày càng trở nên phổ biến. Hành vi xâm phạm quyền tác giả (QTG), quyền liên quan (QLQ), quyền sở hữu công nghiệp (QSHCN) và quyền đối với giống cây trồng (QĐVGCT) vẫn diễn ra thường xuyên và có xu hướng ngày càng phức tạp, gây thiệt hại trực tiếp đến lợi ích của chủ thể quyền SHTT. Hệ thống thực thi quyền sở hữu trí tuệ nằm ở nhiều cơ quan quản lý nhà nước, gây khó khăn cho doanh nghiệp khi thực thi quyền của mình. Hơn nữa theo đánh giá của Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ cho hầu hết các chủ thể khi xảy ra tranh chấp đều tự giải quyết hoặc tiến hành giải quyết bằng biện pháp hành chính, rất ít vụ việc được ra xử lý tại Tòa án, điều này đã làm cho quyền SHTT với bản chất là quyền dân sự đang bị chuyển qua thành xử lý hành chính. Đồng thời hoạt động xử lý đơn tại Cục Sở hữu trí tuệ vẫn bị chậm, lượng đơn tồn đọng nhiều. Nguyên nhân chính của tình trạng trên là do một số quy định chưa được chi tiết, rõ ràng dẫn đến chậm trễ, ách tắc trong công tác thẩm định đơn. Chính vì vậy pháp luật Việt Nam cần

điều chỉnh để thực thi quyền sở hữu trí tuệ đạt hiệu quả, duy trì lòng tin của doanh nghiệp vào việc bảo vệ hợp lý cho đầu tư của mình.

Việt Nam muốn phát triển nhanh, bền vững về mọi mặt, từng bước khẳng định vị thế của mình trong cộng đồng quốc tế thì cần phải đặc biệt quan tâm đến thị trường khoa học, công nghệ, đẩy mạnh các hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên làm thế nào để bảo đảm một nền thương mại bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh, tăng nhận thức trong toàn xã hội để chuẩn bị cho hội nhập ngày càng sâu rộng với nền kinh tế thế giới... là những vấn đề đặt ra đối với nước ta trong giai đoạn hiện nay. Vì những lý do nêu trên tác giả đã lựa chọn đề tài: “Thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam” để làm luận văn thạc sĩ, nhằm đáp ứng yêu cầu cả về lý luận và thực tiễn đang đặt ra.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Ở Việt Nam số lượng công trình nghiên cứu về thực thi quyền sở hữu trí tuệ cơ bản còn chưa nhiều, tuy vậy có một số công trình sau đây đáng chú ý:

- Cuốn chuyên khảo “Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam, những vấn đề lý luận và thực tiễn” của PGS.TS. Lê Hồng Hạnh và Ths. Đinh Thị Mai Hương, NXB Chính trị quốc gia phát hành năm 2004.

Cuốn chuyên khảo có nội dung khá toàn diện về lý luận cũng như thực tiễn trong vấn đề bảo hộ và thực thi quyền SHTT; đưa ra những yêu cầu hoàn thiện đối với các quy định pháp luật dân sự liên quan đến quyền SHTT trong quá trình chủ động hội nhập quốc tế; đồng thời kiến nghị các giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan tới quyền SHTT.

- Kỷ yếu hội thảo khoa học: “Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo hộ, đẩy mạnh thực thi quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội”, của Trường Đại học Luật Hà Nội, thực hiện năm 2006.

Nội dung cuốn kỷ yếu đã thẳng thắn nhìn nhận, đánh giá thực trạng vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ, đặc biệt trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp ở nước ta; đồng thời các tác giả cũng chỉ rõ thực trạng công tác thực thi pháp luật về SHTT cả các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, từ đó đưa ra các giải pháp về đẩy mạnh thực thi quyền SHTT trong những năm tiếp theo.

- Kỷ yếu hội thảo khoa học “Thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam sau khi gia nhập WTO” do trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn phối hợp Viện Konard Adenauer Stiftung (Cộng hòa Liên bang Đức), tổ chức tại Hà Nội năm 2011.

Nội dung cuốn kỷ yếu đã bàn đến vai trò của nhà nước trong việc thực thi quyền tác giả và quyền liên quan; bài học kinh nghiệm của các nước thành viên WTO, tiêu biểu là Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc về thực thi quyền SHTT theo quy định của Hiệp định TRIPS, thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở các Trường đại học – kinh nghiệm của Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn; các biện pháp bảo hộ SHTT; định giá tài sản SHTT trong hoạt động kinh doanh thương mại...

Nguyễn Vĩnh Diện (2014) “Vấn đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay” Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội.

Nội dung luận án đã đưa ra những nhận thức chung về thực thi quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam và thực tiễn thực thi quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài và đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam của lực lượng Công an nhân dân.

- Lê Hương Thảo (2010) “Thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập” đăng trên trang thông tin điện tử của công ty Luật TNHH Minh Khuê (<https://luatminhkhue.vn>).

Tác giả đã đưa ra những bất cập trong hệ thống thực thi sở hữu trí tuệ Việt Nam và cũng là những nguyên nhân chủ yếu của tình trạng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam mà không được xử lý kịp thời hiện nay như: Quy định của pháp luật về các biện pháp thực thi quyền sở hữu trí tuệ còn nhiều hạn chế và thiếu tính thực tế; hệ thống cán bộ thực thi quyền SHTT còn mỏng và tồn tại nhiều điểm yếu về chuyên môn và nhận thức. Đồng thời tác giả cũng đã sơ lược những tác động của thực thi quyền sở hữu trí tuệ đến quá trình hội nhập.

- TS Nguyễn Như Quỳnh (2015) “Thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong bối cảnh hội nhập quốc tế” đăng trên trang thông tin www.nhandan.org.vn.

Tác giả đã đưa ra những bất cập trong hệ thống thực thi sở hữu trí tuệ Việt Nam và cơ chế thực thi quyền SHTT hiện hành còn một số quy định pháp luật chưa hợp lý về thực thi quyền SHTT; các biện pháp và chế tài hiện hành chưa có giá trị cao trong xử lý, ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền SHTT. Nhiều tổ chức, cá nhân tiếp tục vi phạm sau khi bị xử lý vi phạm hành chính. Sự phối hợp giữa các cơ quan thực thi quyền SHTT chưa tốt, thời gian giải quyết vụ án dân sự kéo dài. Tác giả đưa ra nguyên nhân là do cơ chế thực thi quyền SHTT tại Việt Nam chưa phát huy hiệu quả, do hệ thống pháp luật về thực thi quyền SHTT còn hạn chế; bộ máy thực thi quyền SHTT vận hành chưa tốt; nhân tố con người

trong cơ chế thực thi quyền SHTT ở Việt Nam còn hạn chế. Tác giả đã đưa ra những giải pháp về hoàn thiện khung pháp lý thực thi quyền SHTT; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan hành chính và cơ quan tư pháp về thực thi quyền SHTT. Nâng cao năng lực thực thi quyền SHTT của hệ thống các cơ quan thực thi quyền SHTT; tạo lập cơ chế chia sẻ thông tin, hợp tác xây dựng và giải thích văn bản pháp luật liên quan đến thực thi quyền SHTT; nâng cao hiệu quả của hoạt động hợp tác quốc tế trong thực thi quyền SHTT.

Tóm lại, tình hình nghiên cứu trong nước liên quan đến đề tài Luận văn cho thấy các công trình tác phẩm nói trên có chứa đựng những nội dung lý luận về quyền SHTT; các quy định của Việt Nam và thế giới về quyền SHTT... Một số công trình, tác phẩm của các tác giả nghiên cứu vấn đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ nhưng chỉ dừng lại ở một góc độ chung nhất hoặc ở một vài khía cạnh cụ thể. Chưa có công trình nào đề cập đến vấn đề hoàn thiện pháp luật thực thi quyền SHTT ở Việt Nam để đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế hiện nay. Vì vậy tác giả nhận thấy cần thiết phải tiếp tục ở phương diện đầy đủ, toàn diện hơn những yêu cầu hoàn thiện đối với các quy định pháp luật liên quan đến thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn lý giải và làm rõ các quy định của pháp luật Việt Nam về thực thi quyền sở hữu trí tuệ và thực tiễn thực thi quyền SHTT của Việt Nam, trên cơ sở đó đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực thi quyền SHTT của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phân tích những quy định của pháp luật hiện hành về thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam;
- Khảo sát thực trạng vi phạm pháp luật SHTT ở Việt Nam và tìm ra nguyên nhân dẫn đến thực trạng vi phạm pháp luật đó;
- Đề xuất giải pháp cụ thể hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thực thi quyền SHTT, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

4. Đối tượng nghiên cứu

Các quy định của pháp luật hiện hành về thực thi quyền sở hữu trí tuệ, các văn bản liên quan, các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, các trường hợp cụ thể điển hình để chỉ ra những khó khăn, vướng mắc trong các quy định của pháp luật và thực tiễn thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam.

5. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian, luận văn chỉ nghiên cứu vấn đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam chứ không nghiên cứu toàn bộ vấn đề bảo hộ sở hữu trí tuệ.

Về thời gian, luận văn nghiên cứu luật Sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009 đến nay, đặc biệt từ sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Địa bàn nghiên cứu trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam, tập trung ở một số địa phương được chọn tiêu biểu như: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hòa...

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp luận

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực liên quan đến đề tài luận văn.

6.2. Phương pháp cụ thể

- Phương pháp so sánh: Phương pháp này sẽ được sử dụng trong một phần Chương 1 khi tiếp cận kinh nghiệm từ các nước trên thế giới để tìm ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

- Phương pháp diễn giải, quy nạp: Được sử dụng trong luận văn để thu thập, diễn giải số liệu và phân tích số liệu nhằm đánh giá thực trạng thực thi quyền SHTT tại Việt Nam.

- Phương pháp thống kê: Được dùng để thống kê các số liệu về tình hình vi phạm pháp luật sở hữu trí tuệ ở Việt Nam.

- Phương pháp liệt kê, phân tích: Được sử dụng nhằm đánh giá tình hình thực trạng thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam, từ đó đưa ra những ưu, nhược điểm trong công tác thực thi và tìm ra nguyên nhân và đề xuất hoàn thiện pháp luật.

7. Những đóng góp của luận văn

Về mặt lập pháp: Luận văn phân tích và nêu được những điểm nổi bật và hạn chế của cơ chế bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam từ đó kết quả nghiên cứu là nguồn tham khảo để hoàn thiện hành lang pháp lý liên quan đến thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Những giải pháp được đưa ra sẽ góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.

Về giáo dục, đào tạo: Nghiên cứu giúp cải thiện và nâng cao hiệu quả giải pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác của cán bộ thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

Về kinh tế - xã hội: Các giải pháp đề xuất từ nghiên cứu góp phần hạn chế tình trạng vi phạm quyền SHTT ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư.

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương với kết cấu như sau:

- Chương 1. Một số vấn đề lý luận pháp luật về thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam

- Chương 2. Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam

- Chương 3. Định hướng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật về thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ Ở VIỆT NAM

1.1. Một số vấn đề lý luận về quyền sở hữu trí tuệ

1.1.1. Khái niệm về quyền sở hữu trí tuệ

Hiểu theo nghĩa khách quan: Quyền sở hữu trí tuệ là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình sáng tạo, sử dụng, định đoạt và bảo vệ tài sản trí tuệ.

Hiểu theo nghĩa chủ quan: Quyền sở hữu trí tuệ là quyền cụ thể của cá nhân, tổ chức là tác giả, chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ.

Theo nghĩa là một quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật sở hữu trí tuệ là những quan hệ xã hội giữa các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ với nhau hoặc giữa những chủ thể của quyền sở hữu trí tuệ với các chủ thể khác được pháp luật sở hữu trí tuệ điều chỉnh.

Theo Khoản 1 Điều 4 Luật số 36/2009/QH12 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ có quy định: “Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng”.

Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.

Quyền liên quan đến quyền tác giả (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

Quyền sở hữu công nghiệp là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

Quyền đối với giống cây trồng là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu.

1.1.2. Đặc điểm của quyền sở hữu trí tuệ

Thứ nhất, sở hữu một tài sản vô hình

Thứ hai, mang tính lãnh thổ và có thời hạn

Thứ ba, một sản phẩm trí tuệ có thể được bảo hộ bởi nhiều loại quyền sở hữu trí tuệ khác:

Nội dung của quyền sở hữu trí tuệ

Theo quy định của Luật SHTT năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và các văn bản pháp luật có liên quan, chủ thể quyền SHTT có các quyền sau đây:

Quyền nhân thân: Là những quyền gắn với cá nhân, tổ chức trong quá trình sáng tạo, công bố, phổ biến các đối tượng của quyền SHTT và thường mang những dấu ấn riêng của chủ thể quyền SHTT được quy định tại các điều 19, 29, 122, 185 Luật SHTT năm 2005; sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Quyền tài sản của chủ thể quyền SHTT là quyền được hưởng những lợi ích về mặt vật chất từ sản phẩm trí tuệ của mình được Nhà nước bảo hộ. Quyền tài sản và quyền nhân thân có quan hệ mật thiết với nhau, biểu hiện ở việc nếu một người đã có quyền nhân thân đối với tài sản trí tuệ, thì thường đồng thời cũng có quyền tài sản đối với sản phẩm trí tuệ ấy.

Theo quy định của Luật sở hữu Trí tuệ Việt Nam thì Quyền sở hữu trí tuệ bao gồm 3 nhóm quyền cơ bản:

+ Quyền tác giả

+ Quyền sở hữu công nghiệp

+ Quyền đối với giống cây trồng, giống vật nuôi

1.1.3. Vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ

Vi phạm pháp luật về quyền SHTT là hành vi trái pháp luật và có lỗi, do chủ thể có năng lực hành vi thực hiện, xâm hại tới quyền SHTT được pháp luật công nhận và bảo hộ. Vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ được tạo thành từ các yếu tố sau đây:

Thứ nhất, vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ luôn là hành vi của con người chứa đựng yếu tố lỗi, có thể lỗi cố ý hoặc vô ý.

Thứ hai, người thực hiện hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ phải có năng lực hành vi, tức là người này phải có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình.

Thứ ba, vi phạm pháp luật về quyền SHTT là hành vi trái với quy định của pháp luật, xâm hại tới quyền lợi ích hợp pháp của các chủ thể quyền khác.

1.2. Khái niệm và khung pháp lý về thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam

1.2.1. Khái niệm thực thi quyền sở hữu trí tuệ

Pháp luật hiện nay chưa có khái niệm cụ thể thế nào là “Thực thi quyền Sở hữu trí tuệ”. Có quan điểm cho rằng “Thực thi quyền sở hữu trí tuệ được hiểu không chỉ giới hạn ở nghĩa người nắm giữ quyền thực hiện các hành vi liên quan đến đối tượng sở hữu trí tuệ được bảo hộ, mà hơn thế nữa còn có nghĩa là việc người nắm giữ quyền ngăn chặn và chống lại người thứ ba thực hiện trái phép các hành vi đó”.

Quan điểm khác lại hiểu “Thực thi quyền sở hữu trí tuệ” là toàn bộ các hoạt động nhằm đưa các quy định của pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đi vào cuộc sống, được “thi hành trên thực tế”. Theo cách hiểu này, thực thi quyền sở hữu trí tuệ là quá trình thực hiện toàn bộ các quy định của pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm các quy định về quyền của chủ thể đối với đối tượng sở hữu trí tuệ, các biện pháp chống lại hành vi xâm phạm và tất cả các quy định khác liên quan đến quá trình xác lập quyền cho chủ thể.

Điều 41 Hiệp định TRIPS đề cập một cách gián tiếp đến khái niệm “Thực thi quyền SHTT”, đó là “cho phép thực hiện các biện pháp hiệu quả để chống lại bất kỳ hành vi nào vi phạm quyền SHTT, bao gồm cả các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm và ngăn ngừa hành vi vi phạm có thể xảy ra trong tương lai”.

Tóm lại, thực thi quyền sở hữu trí tuệ là quá trình Nhà nước và các chủ thể có quyền sở hữu trí tuệ sử dụng các phương thức pháp lý, các biện pháp hành chính, dân sự và hình sự để bảo vệ quyền sở hữu đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ của mình, chống lại mọi hành vi xâm phạm nhằm giữ nguyên vẹn quyền sở hữu đối với các đối tượng này.

Như vậy, có thể đi đến nhận thức chung về thực thi quyền sở hữu trí tuệ như sau:

- Về mặt nội dung, thực thi quyền sở hữu trí tuệ bao gồm toàn bộ các hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhằm tạo ra cơ chế xử lý đối với mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng các biện

pháp: dân sự, hành hình, hình sự, khẩn cấp tạm thời và kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền SHTT.

- Về mặt hình thức, được thực hiện tuân theo quy định của pháp luật về cách thức, trình tự, thủ tục, thẩm quyền phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng quyền SHTT.

- Về chủ thể tiến hành hoạt động thực thi quyền SHTT bao gồm: TAND, QLTT, CQHQ, CAND, UBND, Thanh tra chuyên ngành. Những cơ quan này thực thi quyền SHTT bằng cách tự mình hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác để xây dựng và triển khai cơ chế xử lý những hành vi xâm phạm quyền SHTT.

- Về mục đích thực thi quyền SHTT, nhằm phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật về quyền SHTT, bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể quyền SHTT, tạo ra môi trường pháp lý lành mạnh để thúc đẩy các hoạt động sáng tạo của con người.

1.2.2. Đặc điểm thực thi quyền sở hữu trí tuệ

Xuất phát từ khái niệm của thực thi pháp luật, thực thi quyền sở hữu trí tuệ ngoài mang những đặc điểm của thực thi pháp luật nói chung còn mang những đặc điểm riêng của mình đó là:

Thứ nhất, thực thi quyền sở hữu trí tuệ là hành vi hợp pháp của các chủ thể tham gia.

Thứ hai, thực thi pháp luật quyền SHTT được tiến hành bởi nhiều chủ thể với nhiều cách thức khác nhau.

Vai trò của thực thi pháp luật quyền SHTT là rất quan trọng có thể kể đến:

- Đảm bảo thực hiện các quy tắc xử sự chung cho con người khi tác động vào môi trường.

- Giúp các cơ quan quản lý nhà nước về SHTT thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

- Đưa những quy định giới hạn quyền SHTT, các biện pháp phòng ngừa và khắc phục sự cố thực sự đi vào cuộc sống.

1.2.3. Khung pháp luật về thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam

Quy định của pháp luật về hành vi vi phạm và xử lý hành vi vi phạm.

Tại Điều 28 (Luật SHTT) quy định các hành vi xâm phạm quyền tác giả bao gồm:

- Chiếm đoạt quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học.

- Mạo danh tác giả.
- Công bố, phân phối tác phẩm mà không được phép của tác giả.
- Công bố, phân phối tác phẩm có đồng tác giả mà không được phép của đồng tác giả đó.
- Sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.
- Sao chép tác phẩm mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm đ khoản 1 Điều 25 của Luật này.
- Làm tác phẩm phái sinh mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh, trừ trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 25 của Luật này.
- Sử dụng tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả, không trả tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất khác theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật này.
- Cho thuê tác phẩm mà không trả tiền nhuận bút, thù lao và quyền lợi vật chất khác cho tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả.
- Nhân bản, sản xuất bản sao, phân phối, trưng bày hoặc truyền đạt tác phẩm đến công chúng qua mạng truyền thông và các phương tiện kỹ thuật số mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả.
- Xuất bản tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả.
- Cố ý hủy bỏ hoặc làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình.
- Cố ý xóa, thay đổi thông tin quản lý quyền dưới hình thức điện tử có trong tác phẩm.
- Sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, nhập khẩu, xuất khẩu, bán hoặc cho thuê thiết bị kỹ thuật khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị đó làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình.
- Làm và bán tác phẩm mà chữ ký của tác giả bị giả mạo.
- Xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối bản sao tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả

Các hành vi xâm phạm quyền liên quan quy định tại Điều 35 Luật SHTT bao gồm:

- Chiếm đoạt quyền của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng.

- Mạo danh người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng.

- Công bố, sản xuất và phân phối cuộc biểu diễn đã được định hình, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà không được phép của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng.

- Sửa chữa, cắt xén, xuyên tạc dưới bất kỳ hình thức nào đối với cuộc biểu diễn gây phương hại đến danh dự và uy tín của người biểu diễn.

- Sao chép, trích ghép đối với cuộc biểu diễn đã được định hình, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà không được phép của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng.

- Dỡ bỏ hoặc thay đổi thông tin quản lý quyền dưới hình thức điện tử mà không được phép của chủ sở hữu quyền liên quan.

- Cố ý hủy bỏ hoặc làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền liên quan thực hiện để bảo vệ quyền liên quan của mình.

- Phát sóng, phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng cuộc biểu diễn, bản sao cuộc biểu diễn đã được định hình hoặc bản ghi âm, ghi hình khi biết hoặc có cơ sở để biết thông tin quản lý quyền dưới hình thức điện tử đã bị dỡ bỏ hoặc đã bị thay đổi mà không được phép của chủ sở hữu quyền liên quan.

- Sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, nhập khẩu, xuất khẩu, bán hoặc cho thuê thiết bị khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị đó giải mã trái phép một tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

- Cố ý thu hoặc tiếp tục phân phối một tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa khi tín hiệu đã được giải mã mà không được phép của người phân phối hợp pháp.

Các hành vi xâm phạm quyền đối với giống cây trồng được quy định tại Điều 88 Luật SHTT quy định các hành vi sau đây bị coi là xâm phạm quyền của chủ bằng bảo hộ:

- Khai thác, sử dụng các quyền của chủ bằng bảo hộ mà không được phép của chủ bằng bảo hộ.

- Sử dụng tên giống cây trồng mà tên đó trùng hoặc tương tự với tên giống cây trồng đã được bảo hộ cho giống cây trồng cùng loài hoặc loài liên quan gần gũi với giống cây trồng đã được bảo hộ.

- Sử dụng giống cây trồng đã được bảo hộ mà không trả tiền đền bù theo quy định tại Điều 189 của Luật này.

Các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp

- Những hành vi dưới đây bị coi là hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp:

(i) Thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội.

(ii) Không chấm dứt hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp mặc dù đã được chủ sở hữu thông báo bằng văn bản, yêu cầu chấm dứt,

(iii) Sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán hàng hoá giả mạo về sở hữu công nghiệp hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này,

(iv) Sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán vật mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này (Điều 211.1 Luật SHTT)

Tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thì tùy theo tính chất và mức độ của hành vi xâm phạm có thể bị xử lý bằng các biện pháp dân sự, hành chính, hình sự, hoặc có thể bị áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời và các biện pháp kiểm soát biên giới như biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất, nhập khẩu để phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi xuất, nhập khẩu hàng hoá xâm phạm quyền.

1.3. Các biện pháp thực thi quyền sở hữu trí tuệ

1.3.1. Thực thi quyền SHTT bằng biện pháp dân sự

Toà án áp dụng các biện pháp dân sự để xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bao gồm buộc chấm dứt hành vi xâm phạm; buộc xin lỗi, cải chính công khai; buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự; buộc bồi thường thiệt hại; buộc phân phối hoặc sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hoá, nguyên vật liệu và phương tiện sử dụng chủ yếu để sản xuất hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể nắm giữ quyền sở hữu trí tuệ¹.

Trường hợp áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ đối với hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nguyên vật liệu, phương tiện sản xuất kinh doanh hàng hoá đó, bao gồm: Thu giữ; kê biên; niêm phong; cấm thay đổi hiện trạng; cấm di chuyển; cấm chuyển dịch quyền sở hữu (bán, cho, tặng...)².

1.3.2. Thực thi quyền SHTT bằng biện pháp hành chính

Đối với biện pháp xử lý hành chính xử lý hàng giả về sở hữu trí tuệ bao gồm: Cảnh cáo; phạt tiền; tịch thu hàng giả về sở hữu trí tuệ, phương tiện, nguyên vật liệu được sử dụng chủ yếu để kinh doanh hàng giả về sở hữu trí tuệ và tiêu huỷ hoặc phân phối, sử dụng không nhằm mục đích thương mại với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng

¹ Điều 235 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009

² Điều 239 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009

khai thác quyền của chủ thể nắm giữ quyền sở hữu trí tuệ; buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng giả về sở hữu trí tuệ, phương tiện, nguyên vật liệu được nhập khẩu để sử dụng sản xuất hàng giả về sở hữu trí tuệ. Mức tiền phạt không thấp hơn so với lợi nhuận đã thu được hoặc có thể thu được do xâm phạm quyền và không vượt quá 1,5 lần lợi nhuận đó.

1.3.3. Thực thi quyền SHTT bằng biện pháp kiểm soát biên giới

Đối với biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu trí tuệ bao gồm: Tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; giám sát để phát hiện hàng hoá có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.³

1.3.4. Thực thi quyền SHTT bằng biện pháp hình sự

Pháp luật quy định cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT có yếu tố cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự.

Bộ Luật Hình sự 2015 quy định tại Điều 225 (tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan) và tại Điều 226 (tội xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ tại Việt Nam).

1.4. Tác động của việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam trong hoàn thiện pháp luật và phát triển kinh tế quốc gia

1.4.1. Đối với hệ thống pháp luật về SHTT

Đạo luật này đã thay đổi toàn bộ cấu trúc của hệ thống các văn bản pháp luật về SHTT của nước ta, chuyển từ hệ thống các văn bản pháp luật đơn hành, làm nền tảng pháp lý cơ bản để điều chỉnh các vấn đề có liên quan đến việc bảo hộ và thực thi quyền SHTT của nước ta. Luật SHTT đã khắc phục được các bất cập, góp phần bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi, đầy đủ và hiệu quả của hệ thống pháp luật về SHTT, làm cho hệ thống văn bản pháp luật về SHTT của nước ta tiến gần hơn với hệ thống của nhiều nước trên thế giới.

1.4.2. Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội

Các quy định của Luật SHTT đã thúc đẩy, hỗ trợ các hoạt động sáng tạo, khai thác và bảo vệ các tài sản trí tuệ, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh, thu hút đầu tư và chuyển giao công nghệ và tăng tính hấp dẫn đối với các chủ thể nước ngoài. Thể hiện được nguyên tắc cân bằng lợi ích giữa cá nhân (chủ sở hữu) với công chúng (xã hội) để tạo động lực thúc đẩy phát triển hoạt động nghiên cứu sáng tạo, sản xuất, kinh doanh. Bằng những quy định có tính tương thích với pháp luật, thông lệ quốc tế,

³ Điều 253 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009

Luật SHTT đã từng bước thúc đẩy các hoạt động đầu tư kinh doanh, khai thác, góp vốn, liên doanh liên kết, chuyển giao chuyển nhượng các tài sản trí tuệ. Luật SHTT tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác công nhận, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể quyền SHTT, giải quyết tranh chấp, xâm phạm quyền trong lĩnh vực SHTT, qua đó góp phần quan trọng vào việc xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, ổn định tình hình kinh tế - xã hội của đất nước.

1.4.3. Đối với công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế

Việc ban hành Luật SHTT là một bước tiến mới trong việc thể chế hoá các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước nhằm hoàn thiện cơ chế bảo hộ SHTT, đáp ứng các đòi hỏi của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

Luật SHTT đã thực sự là công cụ pháp lý quan trọng của nước ta trong việc bảo đảm lợi ích quốc gia trước sức ép của các cường quốc trong quá trình hội nhập, đồng thời, tôn trọng các điều ước quốc tế về SHTT mà Việt Nam đã và sẽ tham gia.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Thứ nhất, quyền sở hữu trí tuệ là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình sáng tạo, sử dụng, định đoạt và bảo vệ tài sản trí tuệ. Quyền sở hữu trí tuệ gồm các đặc điểm như: Sở hữu một tài sản vô hình; mang tính lãnh thổ và có thời hạn; một sản phẩm trí tuệ có thể được bảo hộ bởi nhiều loại quyền sở hữu trí tuệ khác. Quyền sở hữu trí tuệ bao gồm 3 nhóm quyền cơ bản: Quyền tác giả và quyền liên quan; quyền sở hữu công nghiệp; quyền đối với giống cây trồng. Vi phạm pháp luật về quyền SHTT là hành vi trái pháp luật và có lỗi, do chủ thể có năng lực hành vi thực hiện, xâm hại tới quyền SHTT được pháp luật công nhận và bảo hộ.

Thứ hai, thực thi quyền sở hữu trí tuệ là quá trình Nhà nước và các chủ thể có quyền sở hữu trí tuệ sử dụng và các phương thức pháp lý các biện pháp hành chính, dân sự, hình sự để bảo vệ quyền sở hữu đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ của mình.

Thứ ba, việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam tác động tích cực tới hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ, đảm bảo tính thống nhất đồng bộ, minh bạch, của hệ thống pháp luật về SHTT; tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan nhà nước công nhận, bảo vệ các quyền lợi ích hợp pháp của các chủ thể, qua đó góp phần xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, ổn định tình hình kinh tế - xã hội; trở thành công cụ pháp lý

quan trọng của nước ta trong việc bảo đảm lợi ích quốc gia trước sức ép của các cường quốc trong quá trình hội nhập, đồng thời tôn trọng các điều ước quốc tế về SHTT.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

2.1.1. Xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả và quyền liên quan

Điểm thay đổi căn bản của Nghị định 131/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định 28/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017) so với các Nghị định liên quan tới việc xử phạt vi phạm quyền tác giả và các quyền liên quan trước đó là mức xử phạt không dựa trên việc xác định giá trị hàng hóa bị vi phạm bản quyền mà dựa trên hành vi vi phạm.

Cụ thể, quyền sao chép tác phẩm, quyền phân phối bản gốc hoặc bản sao tác phẩm là một trong những quyền tài sản mà chủ sở hữu quyền tác giả được hưởng theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ.

Nghị định số 131/2013/NĐ-CP quy định: Phạt tiền từ 10 đến 30 triệu đồng đối với hành vi phân phối tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả. Phạt tiền từ 15 đến 35 triệu đồng đối với hành vi sao chép tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả.

Cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả như: buộc dỡ bỏ bản sao tác phẩm vi phạm dưới hình thức điện tử, trên môi trường Internet và kỹ thuật số hoặc buộc tiêu hủy tang vật vi phạm.

Một điểm mới cơ bản của Nghị định 131/2013/NĐ-CP là trước đây mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định cũ là 500 triệu đồng áp dụng cho cả cá nhân và tổ chức, nay mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan đối với cá nhân là 250 triệu đồng, đối với tổ chức là 500 triệu đồng. Quy định này sẽ làm cho Nghị định 131/2013/NĐ-CP có tính khả thi cao hơn.

Ngoài ra, Nghị định 131/2013/NĐ-CP cũng có nhiều điều chỉnh đáng lưu ý khác.

Biểu diễn tác phẩm không được phép của tác giả sẽ bị phạt nặng
Phải cải chính thông tin khi xuyên tạc tác phẩm của người khác
Sử dụng bản ghi âm, ghi hình, phải trả tiền cho chủ sở hữu

Nghị định này cũng sẽ có những tác động tích cực đối với việc đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của tác giả, nhà sáng tạo, nhà đầu tư; tạo động lực để họ cống hiến trí tuệ, sức lao động và khả năng nghề nghiệp vào hoạt động sáng tạo và quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật, phổ biến các giá trị này tới công chúng thụ hưởng⁴.

2.1.2. Xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp

Trong pháp luật hiện hành về thực thi quyền SHCN, còn tồn tại một số hạn chế, bất cập, gây khó khăn cho cơ quan thực thi trong việc áp dụng pháp luật, điển hình như:

(i) Quy định mâu thuẫn, chồng chéo nhau

Quy định của Nghị định 71/2014/NĐ-CP về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh trái với Luật SHTT (Điều 28 của Nghị định 71/2014/NĐ-CP Hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến lĩnh vực SHCN trái với quy định tại Điều 130 của Luật SHTT về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực SHCN; Điều 29 của Nghị định 71/2014/NĐ-CP hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh, trái với quy định tại các Điều 84, 127, 130 của Luật SHTT) và chồng chéo với Nghị định số 99/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN (Khoản 1 Điều 28 của Nghị định 71/2014/NĐ-CP về xử phạt hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh không lành mạnh chồng chéo với khoản 16 Điều 14 của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP về xử phạt hành chính trong lĩnh vực SHCN); hoặc quy định của Thông tư số 13/2015/TT-BTC về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền SHTT còn mâu thuẫn, chồng chéo với quy định có liên quan trong Luật SHTT và trái với Luật Hải quan, hoặc Thông tư liên tịch số 05/2016/TT-BKH-CN - BKHĐT về xử lý đối với tên doanh nghiệp xâm phạm quyền SHCN có quy định biện pháp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do tên doanh nghiệp xâm phạm quyền SHCN, khi biện pháp này không có trong Luật Doanh nghiệp...

(ii) Quy định chưa được hướng dẫn cụ thể

Thủ tục tiêu hủy hàng giả, hàng xâm phạm quyền SHTT chưa rõ ràng. Mục tiêu “ưu tiên mục đích nhân đạo, từ thiện hoặc phục vụ lợi ích xã hội” chưa thực sự được khai thác do chưa có cơ chế thi hành rõ.

Quá trình kiểm soát hàng hóa xâm phạm quyền SHTT, cơ quan hải quan đang gặp phải một số vướng mắc. Cụ thể, Nghị định 45/2017/NĐ-

⁴ <https://thuvienphapluat.vn/tintuc/vn/thoi-su-phap-luat-binh-luan-gop-y/6016/bao-ho-quyen-tac-gia-nhin-tu-khung-phap-ly-moi>

CP quy định, nhãn hàng nhập khẩu nếu ghi không đầy đủ các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn, thì người nhập khẩu được phép ghi bổ sung nhãn phụ bằng tiếng Việt trước khi lưu thông. Vì thế, cơ quan hải quan phát hiện nhiều trường hợp nhãn phụ hàng hóa có dấu hiệu giả mạo xuất xứ, nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn giả mạo nguồn gốc hàng hóa, nhưng không có cơ sở để xử lý tại khâu nhập khẩu.

Luật Hải quan quy định không tạm dừng hàng quá cảnh để làm thủ tục hải quan, nhưng Nghị định 99/2013/NĐ-CP lại quy định phải xử lý đối với hành vi xâm phạm này, cho nên cơ quan hải quan không biết dựa vào quy định nào để thực thi nhiệm vụ.

(iii) Quy định được hiểu chưa thống nhất trên thực tế

Hiện nay, có sự mâu thuẫn trong quy định của Luật sở hữu trí tuệ và Luật cạnh tranh hiện hành, gây khó khăn trong việc thực hiện lợi ích đối với tài sản trí tuệ của các chủ thể sở hữu và sáng tạo bằng con đường thương mại hoá tài sản trí tuệ.

2.1.3. Xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với giống cây trồng

Nghị định số 31/2016/NĐ-CP của Chính phủ, đã đưa ra mức xử phạt đối với cơ sở kinh doanh. Theo đó, đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, tổ chức, cá nhân phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền.

Xử phạt hành vi vi phạm về điều kiện kinh doanh giống cây trồng chính với mục đích thương mại được quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 14 Nghị định 31/ 2016/N Đ -CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Nghị định cũng quy định vi phạm về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật với mức phạt tối đa từ 3-5 triệu đồng áp dụng đối với hành vi vi phạm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

Nghị định quy định, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm còn có thể bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung như tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn; đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, c, d, đ, e, g, h, i Khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định này quy định các biện pháp khắc phục hậu quả như buộc chuyển đổi mục đích sử dụng giống cây trồng; buộc thực hiện gắn mã hiệu cho

nguồn giống; buộc trả thù lao cho tác giả giống cây trồng theo quy định; buộc xử lý triệt để vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm đối với tượng kiểm dịch; buộc thay nhãn theo quy định... Như vậy, Nghị định 31/2016/NĐ-CP của Chính phủ ra đời, đã đáp ứng được tình hình thực tế khi thi hành các đạo luật liên quan đến giống cây trồng của Việt Nam hiện nay.

2.2. Thực trạng pháp luật về các biện pháp thực thi quyền sở hữu trí tuệ

2.2.1. Thực thi quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp dân sự

Theo Khoản 2 Điều 30 và Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tranh chấp xảy ra trong quá trình khai thác và sử dụng đối tượng SHTT vì mục đích lợi nhuận là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm tại tòa án nhân dân cấp tỉnh. Kháng cáo bản án sơ thẩm đối với tranh chấp quyền SHTT được giải quyết theo trình tự chung dành cho các kháng cáo các bản án dân sự tại Tòa án nhân dân cấp cao.

Về quy định, khi khởi kiện vụ án dân sự, chủ sở hữu đối tượng SHTT có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền buộc bị đơn chấm dứt hành vi vi phạm; xin lỗi cải chính công khai; tiêu hủy hàng hóa phương tiện vi phạm và bồi thường thiệt hại vật chất và tinh thần theo mức độ mà họ có thể chứng minh được. Ngoài ra, khi khởi kiện hoặc trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết tranh chấp, chủ sở hữu đối tượng SHTT có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong một số trường hợp.

Tuy nhiên, trên thực tế, việc liệu áp dụng trình tự như quy định Luật tố tụng dân sự trong giải quyết tranh chấp quyền SHTT (đặc biệt là khi giải quyết các tranh chấp liên quan đến đối tượng đặc thù như sáng chế, xác định hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến đối tượng SHTT được bảo hộ) là rất hạn chế.

2.2.2. Thực thi quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hành chính

Biện pháp thường này được nhắc đến với cụm từ “xử lý xâm phạm quyền” và là một cách thức hết sức đặc thù của Việt Nam. Với cơ chế này, chủ thể quyền có thể yêu cầu nhà nước sử dụng các cơ quan hành chính công quyền để bảo vệ quyền và lợi ích của mình theo quy định.

Tùy theo chức năng, nhiệm vụ, các cơ quan hành chính có thẩm quyền “xử lý xâm phạm quyền” là Công an kinh tế (Bộ Công an); Quản lý thị trường (Bộ Công thương); Hải quan (Bộ Tài chính) và lực lượng Thanh tra thuộc nhiều bộ ngành khác nhau.

Khi có hành vi bị cho là xâm phạm xảy ra, để tiến hành “xử lý xâm phạm quyền” chủ thể quyền SHTT, trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp tại Việt Nam nộp “Đơn yêu cầu xử lý xâm phạm” cho cơ quan chức năng. Đơn yêu cầu xử lý xâm phạm cần nêu rõ đối tượng SHTT được bảo hộ; đối tượng bị cho là vi phạm; thông tin chi tiết về tổ chức, cá nhân vi phạm và biện pháp yêu cầu xử lý.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đơn, cơ quan chức năng cần tiến hành xem xét đơn yêu cầu xử lý xâm phạm và các chứng cứ kèm theo.

Nếu hành vi vi phạm được xác định, tổ chức/cá nhân vi phạm có thể bị phạt tiền; đình chỉ có thời hạn hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm; buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, phương tiện kinh doanh hoặc tiêu hủy hàng hóa, phương tiện kinh doanh vi phạm...

Chính sự được cho là “nhanh”, “gọn” và “ít tốn kém” của cơ chế xử lý xâm phạm quyền bằng biện pháp hành chính dẫn đến việc biện pháp này được chủ thể quyền “ưu tiên” lựa chọn. Tuy nhiên, biện pháp hành chính cũng bộc lộ nhiều hạn chế về tính hiệu quả khi giải quyết các vụ việc xâm phạm quyền.

Các chủ thể quyền đều có xu hướng chọn biện pháp hành chính khi yêu cầu xử lý xâm phạm bởi lẽ:

- + Các chủ thể ngại khởi kiện ra tòa án, do thủ tục tại tòa thường phức tạp, kéo dài, tốn kém,
- + Một số hành vi xâm phạm quyền SHCN mang bản chất dân sự bị quy định thành vi phạm hành chính và bị xử phạt hành chính.
- + Việc phân định ranh giới giữa áp dụng biện pháp hình sự và áp dụng biện pháp hành chính chưa được xác định rõ ràng.

2.2.3. Thực thi quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hình sự

a. Quy định về đối tượng quyền sở hữu trí tuệ

Theo quy định của pháp luật hình sự hiện hành, chỉ có đối tượng là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, giả mạo chỉ dẫn địa lý, mà không phải mọi đối tượng xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý mới có thể bị xử lý bằng biện pháp hình sự. Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã khắc phục hạn chế của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2009 bằng quy định mới mang tính định lượng rõ ràng hơn đó là:

- Khoản 1 Điều 225 về tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan quy định: Người nào không được phép của chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan mà cố ý thực hiện một trong các hành vi sau đây, xâm phạm

quyền tác giả, quyền liên quan đang được bảo hộ tại Việt Nam với quy mô thương mại hoặc thu lợi bất chính...

- Khoản 1 Điều 226 về tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp quy định: “Người nào cố ý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ tại Việt Nam mà đối tượng là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý với quy mô thương mại hoặc thu lợi bất chính...

Có thể thấy, mặc dù đã có sự thay đổi lớn từ quy định mang tính định tính bằng các quy định định lượng cụ thể, rõ ràng nhưng theo quy định hiện hành, vẫn đồng thời ghi nhận yếu tố “với quy mô thương mại” trong cấu thành cơ bản của tội phạm nhằm phù hợp với các cam, kết quốc tế.

b. Quy định về chủ thể của tội phạm

Bộ luật Hình sự 1999 tại Điều 170 về Tội vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp quy định theo đó chủ thể của tội phạm liên quan đến các đối tượng quyền sở hữu công nghiệp được xác lập quyền thông qua thủ tục đăng ký như: Sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp... có thể là cán bộ, công chức, viên chức của Cục Sở hữu trí tuệ có vi phạm trong việc thẩm định để cấp/không cấp văn bằng bảo hộ. Thực tiễn chứng minh quy định này không phù hợp và thiếu tính khả thi nên thực tế không có vụ việc nào bị xử lý về hình sự xảy ra.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2009 đã loại bỏ quy định tại Điều 170 của Bộ luật Hình sự 1999.

Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tại Điều 225 về Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan và tại Điều 226 về Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, lần đầu tiên PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI được đưa vào pháp luật hình sự Việt Nam với tư cách là chủ thể của tội phạm.

Khoản 4 Điều 225 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “a) Pháp nhân thương mại thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này với quy mô thương mại hoặc thu lợi bất chính...

- Khoản 4 Điều 226 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “a) Pháp nhân thương mại thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này với quy mô thương mại hoặc thu lợi bất chính...

2.3. Thực tiễn về những bất cập trong thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam

2.3.1. Thực tiễn bất cập trong thực thi quyền tác giả

Chủ thể xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan thực hiện với cả lỗi cố ý và lỗi vô ý, người vi phạm biết rõ về việc mình làm là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện (như muốn sử dụng sản phẩm nhưng không muốn mất tiền mua, kiếm lợi từ việc làm phi pháp... trong một số trường hợp có những người thực hiện hành vi không vì lợi nhuận nhưng chỉ vì muốn thu hút sự chú ý vẫn thực hiện hành vi như quay lại hình ảnh từ các rạp chiếu phim, sau đó “câu view” từ các trang mạng xã hội như facebook, instagram,... nhiều trường hợp người sử dụng so không am hiểu pháp luật nên đã vô tình vi phạm (như mua máy tính được cài đặt sẵn phần mềm nên cho rằng mình đương nhiên được sử dụng phần mềm ấy một cách “miễn phí”).

Trong thực tế, có việc xâm phạm quyền tác giả, nhưng lại không thể thực thi, nguyên nhân xuất phát từ những bất cập trong quy định của pháp luật về quyền tác giả, vụ việc này xảy ra từ trước khi ban hành Luật SHTT, nhưng cho đến nay pháp luật về quyền tác giả vẫn không thay đổi trong quy định này.

2.3.2. Thực tiễn bất cập trong thực thi quyền sở hữu công nghiệp

a. Bất cập trong quy định về nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp

Vụ việc được phát hiện khi có thông tin một cuốn catalogue nhãn hiệu ARTDOOR giống tới 90% catalogue AUSTDOOR của Công ty TNHH SX và TM Hưng Phát (nay đổi tên là Công ty CP tập đoàn AUSTDOOR – gọi tắt là Công ty AUSTDOOR) xuất hiện trên thị trường, từ màu sắc, nội dung đến hình ảnh đều được sao chép y nguyên.

Xét tính chất, quy mô sản xuất và lưu thông các sản phẩm vi phạm bản quyền của Công ty SMARTDOOR, Thanh tra Bộ KH&CN đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 116.370.000 đồng đối với Công ty CP Cửa cuốn Úc- SMARTDOOR; tịch thu tiêu huỷ 35 tờ quảng cáo, 18 tờ (tương ứng với 2700 tem) gắn dấu hiệu “ARTDOOR & Hình” vi phạm; buộc Công ty này phải tự loại bỏ các yếu tố vi phạm “ARTDOOR & Hình” trên 7 bộ sản phẩm cửa cuốn và trên phương tiện kinh doanh, phương tiện dịch vụ để quảng cáo cho sản phẩm cửa cuốn.⁵

⁵ Lê Văn Kiều (2011), Các biện pháp bảo hộ sở hữu trí tuệ, Kỳ yếu Hội thảo quốc tế Thực thi quyền SHTT ở Việt Nam sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO, do Trường Đại học KHXH&NV và Viện KAZ (CHLB Đức) tổ chức 02.2011

Như vậy, những bất cập trong quy định về nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp đã xảy ra trong thực tiễn thực thi pháp luật về SHTT.

b. Bất cập trong quy định về nhãn hiệu và tên thương mại

Doanh nghiệp Toàn Thắng (có trụ sở kinh doanh ở tỉnh Bình Định, sau đây gọi tắt là Toàn Thắng Bình Định) và Doanh nghiệp Toàn Thắng Khánh Hòa (có trụ sở kinh doanh ở tỉnh Khánh Hòa, sau đây gọi tắt là Toàn Thắng Khánh Hòa) cùng kinh doanh xăng dầu và đều có tên thương mại như trên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư của mỗi tỉnh.

Cục SHTT đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 56273 bảo hộ nhãn hiệu TOÀN THẮNG cho dịch vụ kinh doanh xăng dầu do Toàn Thắng Bình Định là chủ sở hữu.

Trong thực tế, hai doanh nghiệp này đều trưng chữ “TOÀN THẮNG” trên các biển hiệu kinh doanh dọc quốc lộ 1A.

Là chủ sở hữu độc quyền đối với nhãn hiệu TOÀN THẮNG đã được Cục SHTT cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá, Toàn Thắng Bình Định cho rằng Toàn Thắng Khánh Hòa đã gây nhầm lẫn cho khách hàng và như vậy là xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu của Toàn Thắng Bình Định. Vụ việc được đưa ra các cơ quan chức năng yêu cầu giải quyết từ năm 2006 nhưng đến nay vụ việc vẫn chưa được giải quyết dứt điểm do những bất cập về quy định pháp luật về SHTT.

Toàn Thắng Bình Định gửi Đơn khiếu nại lên Sở Khoa học và Công nghệ Bình Định yêu cầu xử lý Toàn Thắng Khánh Hòa vì đã có hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu của mình.

Sở Khoa học và Công nghệ Bình Định đã có công văn đề nghị Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ và CHTT cho ý kiến chỉ đạo xử lý vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp đối với Toàn Thắng Khánh Hòa.

Cục SHTT có văn bản trả lời với nội dung “Doanh nghiệp tư nhân Toàn Thắng – Bình Định có thể đề nghị trực tiếp các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp tại Khánh Hoà (như Ủy ban nhân dân, cơ quan quản lý thị trường) để xử lý kịp thời hành vi xâm phạm quyền về nhãn hiệu đối nhãn hiệu Toàn Thắng đang được bảo hộ”.

Sở Khoa học và Công nghệ Bình Định cũng gửi công văn yêu cầu Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hoà và Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Khánh Hoà phối hợp để xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu của Toàn Thắng Khánh Hòa. Tuy nhiên, Sở Khoa học và Công nghệ Khánh Hoà có văn bản trả lời: việc giải quyết thuộc thẩm

quyền của Chi cục Quản lý thị trường Khánh Hoà nên từ chối trách nhiệm thụ lý vụ việc.

Chi cục Quản lý thị trường Khánh Hoà có văn bản trả lời: “Xét thấy Doanh nghiệp tư nhân Toàn Thắng (Khánh Hoà) đã có dấu hiệu vi phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hàng hoá Toàn Thắng (của Doanh nghiệp Toàn Thắng - Bình Định), Đội quản lý thị trường cơ động thuộc Chi cục quản lý thị trường Khánh Hoà đã lập biên bản yêu cầu doanh nghiệp phải tiến hành việc tháo gỡ bảng hiệu và tiến hành làm thủ tục thay đổi tên doanh nghiệp theo quy định.”

Nhưng Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Khánh Hoà lại có văn bản trả lời Chi cục quản lý thị trường Khánh Hoà với nội dung: “Doanh nghiệp tư nhân Toàn Thắng – Khánh Hoà đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo đúng Luật Doanh nghiệp⁶.”

c. Bất cập trong quy định về kiểm soát biên giới

Điều 216.1. Luật SHTT quy định về “Biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến SHTT”, theo đó các biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến SHTT bao gồm: Tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền SHTT; Kiểm tra, giám sát để phát hiện hàng hoá có dấu hiệu xâm phạm quyền SHTT. Cần lưu ý là chúng ta quy định việc kiểm soát cả hàng hóa nhập khẩu và hàng hóa xuất khẩu có liên quan đến SHTT. Mặt khác cũng cần lưu ý rằng, theo pháp luật Việt Nam, các đối tượng của quyền SHTT bao gồm: Quyền tác giả và quyền liên quan, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý, quyền đối với giống cây trồng là vật liệu nhân giống và vật liệu thu hoạch (xin lưu ý 2 đối tượng là quyền tác giả và nhãn hiệu để tiện so sánh với quy định của Hiệp định TRIPS).

Trong khi đó, điều 51 của Hiệp định TRIPS chỉ quy định: “Các thành viên phải ban hành, một cách phù hợp với các quy định sau đây, các thủ tục cho phép chủ thể quyền, khi có những căn cứ hợp lý để nghi ngờ rằng việc nhập khẩu các hàng hoá mang nhãn hiệu hàng hoá giả mạo hoặc vi phạm bản quyền có thể xảy ra, được đệ đơn cho các cơ quan có thẩm quyền, là cơ quan hành chính hoặc cơ quan xét xử, yêu

⁶ Nguyễn Văn Bảy (2011), Giải quyết xung đột giữa nhãn hiệu và tên thương mại trong quá trình thực thi quyền sở hữu trí tuệ, Kỳ yếu Hội thảo quốc tế Thực thi quyền SHTT ở Việt Nam sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO, do Trường Đại học KHXH&NV và Viện KAZ (CHLB Đức) tổ chức 02.2011

cầu đình chỉ thông quan tại các cơ quan hải quan để ngăn chặn các hàng hoá đó vào lưu thông tự do...”. Như vậy, Hiệp định TRIPS chỉ quy định về thủ tục kiểm soát đối với hàng hóa nhập khẩu nghi ngờ xâm phạm quyền tác giả và nhãn hiệu. Quy định của TRIPS đã mở ra khả năng thực thi rất cao của cơ quan thực thi quyền SHTT, bởi lẽ với khả năng có hạn và trang bị không đầy đủ, cơ quan thực thi quyền SHTT tại biên giới chỉ có thể kiểm soát hàng hóa nhập khẩu vi phạm nhãn hiệu và bản quyền.

So sánh với quy định của Hiệp định TRIPS, ta thấy pháp luật Việt Nam về SHTT đã quy định vượt quá yêu cầu của Hiệp định TRIPS đối với các quốc gia thành viên của WTO. Điều 51 của Hiệp định TRIPS không yêu cầu kiểm soát hàng hóa xuất khẩu vi phạm quyền SHTT, bởi có thể hàng hóa xâm phạm quyền SHTT tại quốc gia xuất xứ nhưng lại không xâm phạm quyền SHTT tại thị trường của quốc gia nhập khẩu. Quy định như vậy có thể sẽ gây thiệt hại lớn về kinh tế đối với các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam. Bên cạnh đó, các cơ quan thực thi quyền SHTT sẽ phải đối mặt với hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh có thể xảy ra trong tương lai.

2.4. Nguyên nhân của tình trạng vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ

2.4.1. Nguyên nhân khách quan

Có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến tình trạng vi phạm sở hữu trí tuệ ngày một gia tăng.

Thứ nhất, hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả, xâm phạm sở hữu trí tuệ luôn tạo ra “siêu lợi nhuận” nên rất có sức hút, lôi kéo được nhiều đối tượng tham gia, kể cả những người lao động thuần túy, trên nhiều địa bàn và nhiều lĩnh vực khác nhau.

Thứ hai, các mặt hàng nội địa tuy đa dạng, phong phú và có cải tiến nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu cho người tiêu dùng. Vì vậy, nhiều người tiêu dùng ưa lựa chọn những sản phẩm giả nhưng mẫu mã, kiểu dáng công nghiệp “như thật” mà lại có giá bán thấp.

Thứ ba, phần lớn các chủ SHTT chưa thực sự chú ý đến việc bảo vệ quyền lợi của mình, chưa có ý thức cao trong việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá, trong khi trình độ và hiểu biết về tác hại của xâm phạm sở hữu trí tuệ đối với sức khỏe, lợi ích của cộng đồng còn rất hạn chế.

Thứ tư, các quy định về sở hữu trí tuệ và hành vi xâm phạm SHTT còn chưa tập trung, mà rải rác trong quá nhiều văn bản, như: Bộ luật Dân sự, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Bộ luật Hình sự, Luật Khoa học và Công nghệ, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tố tụng dân sự, Luật Hải

quan ... và trong nhiều văn bản hướng dẫn, thi hành các luật, pháp lệnh nêu trên.

Thứ năm, trên thực tế, tổ chức và hoạt động của các cơ quan có trách nhiệm đấu tranh với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ còn thiếu đồng bộ và chông chéo, nhiều tầng nấc xử lý khiến hiệu lực thực thi bị phân tán, phức tạp.

2.4.2. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, hệ thống các cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính quá phức tạp, nhiều đầu mối, hoạt động thực thi quyền bị phân tán, kém hiệu quả.

Một là, các hành vi xâm phạm quyền SHCN liên quan đến hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý nêu tại Điều 12, Điều 13 của Nghị định số 99//2013/NĐ-CP thuộc thẩm quyền xử phạt của Thanh tra KH&CN, Quản lý thị trường, Hải quan, Công an; hoặc hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực SHCN nêu tại Điều 14 của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP thuộc thẩm quyền xử phạt của Thanh tra KH&CN, Quản lý thị trường, Hải quan...

Hai là, xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan

Trong 10 năm (2006 – 2015), Cục Bản quyền tác giả Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận và giải quyết 258 vụ khiếu nại, tố cáo về QTG, QLQ, trong đó có những vụ việc phức tạp, thời gian giải quyết kéo dài. Trong lĩnh vực xuất bản, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện kiểm tra cam kết bản quyền trong hồ sơ xuất bản phẩm; xử lý theo quy định của pháp luật các kiến nghị, phản ánh, tố cáo về QTG, QLQ đối với hoạt động của nhà xuất bản, đối tác liên kết thực hiện xuất bản sách đã được đơn vị khác mua quyền sử dụng hoặc xuất bản sách không có sự đồng ý của tác giả... Thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông đã xử phạt vi phạm hành chính về QTG, QLQ đối với một số trường hợp, trong đó có 4 vụ việc liên quan đến xâm phạm bản quyền trong lĩnh vực truyền hình.

Thứ hai, năng lực của các cơ quan thực thi quyền SHTT còn thiếu và yếu (cả về hạ tầng kỹ thuật, thượng tầng thông tin và đội ngũ cán bộ); một số cơ quan thực thi chưa có lực lượng chuyên trách về SHTT.

Tiểu kết chương 2

Qua nhiều năm thi hành Luật sở hữu trí tuệ đã xuất hiện nhiều bất cập trong quy định pháp luật gây khó khăn cho các chủ thể trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ, những bất cập như:

Thứ nhất, bất cập trong quy định về xác lập quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; bất cập trong các quy định liên quan đến văn bằng bảo hộ như: Quy định chưa rõ ràng về quyền của chủ văn bằng bảo hộ yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền thu hẹp phạm vi bảo hộ; bất cập trong quy định về khai thác quyền sở hữu công nghiệp; bất cập trong quy định liên quan đến thực thi quyền SHTT như: quy định mâu thuẫn, chông chéo giữa các nghị định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh và nghị định xử phạt hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

Thứ hai, thực trạng vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam diễn ra một cách phổ biến, xuất phát từ nguyên nhân: hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả, tạo ra siêu lợi nhuận lôi kéo được nhiều đối tượng tham gia.

Thứ ba, hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ: Việc áp dụng các biện pháp chế tài trong hoạt động thực thi quyền SHCN không cân đối và phù hợp, chưa phát huy được tốt nhất hiệu quả các biện pháp chế tài; hệ thống các cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính quá phức tạp, nhiều đầu mối, hoạt động thực thi quyền bị phân tán, kém hiệu quả; việc áp dụng mức xử phạt chưa đủ mạnh; năng lực của các cơ quan thực thi còn hạn chế; hệ thống hỗ trợ cho công tác thực thi chưa đáp ứng được yêu cầu.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ Ở VIỆT NAM

3.1 Định hướng hoàn thiện pháp luật về thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam

Phương hướng hoàn thiện pháp luật bảo hộ, khai thác SHTT được thể hiện trên các phương diện như sau:

Một là, xuất phát từ nhu cầu phát triển tự thân của nền kinh tế trong điều kiện đổi mới mô hình tăng trưởng. Hoàn thiện pháp luật sở hữu trí tuệ không chỉ dựa trên cơ sở rà soát, đối chiếu các quy định cụ thể nhằm đảm bảo tương thích với các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, mà còn phải xuất phát từ thực trạng pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam và xu hướng phát triển của pháp luật sở hữu trí tuệ các nước trên thế giới trên các phương diện: xác lập quyền sở hữu trí tuệ, khai thác quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Hai là, tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống này một cách toàn diện theo hướng: Tách Luật SHTT thành các Luật đơn hành

Ba là, tăng cường hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và nhân dân về các vấn đề liên quan đến bảo hộ quyền SHTT để việc thực hiện các cam kết về SHTT của Việt Nam thực sự được triển khai hiệu quả trong thực tiễn chứ không chỉ nằm trên giấy tờ, văn bản.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam

3.2.1. Giải pháp chung

Hoàn thiện các văn bản pháp luật liên quan đến thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, trước yêu cầu hội nhập quốc tế và thực thi các cam kết quốc tế, xây dựng hệ thống pháp luật hoàn thiện và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn áp dụng pháp luật trong việc thực thi và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Hạn chế việc đưa ra các quy định chung, thiếu cụ thể, gây khó khăn trong việc thi hành pháp luật.

3.2.2. Giải pháp loại bỏ xung đột giữa tên thương mại và nhãn hiệu

Trong điều kiện tổ chức các cơ quan hành chính nhà nước thẩm quyền chuyên môn như hiện nay, khó có khả năng thu về một cơ quan duy nhất quản lý tất cả các đối tượng của quyền SHTT, trước mắt là nhãn hiệu và tên thương mại. Như vậy, trước mắt vẫn tồn tại:

- Bộ KH&CN quản lý nhãn hiệu;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý tên thương mại (tuy nhiên trong thực tế vẫn còn có quá nhiều cơ quan có chức năng cho phép thành lập doanh nghiệp).

Từ thực tiễn này, Luận văn đề xuất:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư thống nhất kiểm soát quản lý tên thương mại ở cấp Bộ, có thể vẫn giao cho Sở kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh, UBND cấp huyện quản lý một số phần việc, nhưng phải kiểm soát được việc thành lập doanh nghiệp do cấp dưới thực hiện;
- Hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về tên thương mại, nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý⁷.

3.2.3. Giải pháp giải quyết xung đột giữa kiểu dáng công nghiệp với các đối tượng khác của quyền sở hữu trí tuệ

Về mặt lý luận, việc phân định chính xác lấy tiêu chí nào để xác định đối tượng nào được bảo hộ là kiểu dáng công nghiệp và đối tượng nào được bảo hộ các quyền SHTT khác là không đơn giản, vì kiểu dáng

⁷ Trần Văn Hải (2011), Thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ - Vấn đề và giải pháp, Đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, Mã số QX.09-12

công nghiệp có những khoảng “giao thoa” nhất định với các đối tượng khác của quyền SHTT, nhất là quyền tác giả và nhãn hiệu.

Trước hết, tác phẩm mỹ thuật ứng dụng là đối tượng nằm trong khoảng “giao thoa” giữa đối tượng được bảo hộ quyền tác giả và đối tượng được bảo hộ kiểu dáng công nghiệp. Khó có thể có định nghĩa mới về tác phẩm mỹ thuật ứng dụng, trong đó phải chỉ rõ những tiêu chí cụ thể để tác phẩm mỹ thuật ứng dụng chỉ có thể được đăng ký bảo hộ quyền tác giả hoặc có thể đăng ký bảo hộ quyền tác giả và kiểu dáng công nghiệp, cũng tương tự như vậy trong mối quan hệ giữa kiểu dáng công nghiệp với nhãn hiệu và thậm chí cả kiểu dáng công nghiệp với sáng chế.

Luận văn đề xuất:

- Nếu chủ thể lựa chọn đăng ký kiểu dáng sản phẩm dưới hình thức quyền tác giả đối với tác phẩm mỹ thuật ứng dụng (tất nhiên phải đáp ứng được nguyên tắc tính nguyên gốc của tác phẩm) thì chủ sở hữu chỉ có quyền sản xuất tối đa 50 sản phẩm ứng dụng tác phẩm mỹ thuật đó làm hình dạng bên ngoài cho sản phẩm. Trong trường hợp chủ sở hữu sản xuất vượt quá 50 sản phẩm áp dụng tác phẩm mỹ thuật ứng dụng đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, thì tất cả các tổ chức, cá nhân khác đều có quyền sử dụng tác phẩm mỹ thuật kể trên áp dụng làm kiểu dáng, hình dáng bên ngoài cho sản phẩm của tổ chức mình mà chủ sở hữu tác phẩm mỹ thuật ứng dụng đó không có quyền ngăn cấm.

- Nếu chủ sở hữu lựa chọn yêu cầu bảo hộ kiểu dáng sản phẩm dưới dạng kiểu dáng công nghiệp, thì chủ sở hữu kiểu dáng công nghiệp có quyền sản xuất các sản phẩm mang kiểu dáng được bảo hộ với danh nghĩa kiểu dáng công nghiệp làm hình dáng bề ngoài của sản phẩm với số lượng không giới hạn.

3.2.4. Giải pháp về kiểm soát biên giới đối với hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Như đã biết, điều 51 của Hiệp định TRIPS không yêu cầu bắt buộc (mà chỉ nêu có thể) các quốc gia thành viên kiểm soát hàng hóa xuất khẩu vi phạm quyền SHTT, bởi có thể hàng hóa xâm phạm quyền SHTT tại quốc gia xuất xứ nhưng lại không xâm phạm quyền SHTT tại thị trường của quốc gia nhập khẩu.

Quy định tại Điều 216.1 là bất lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam, gây khó khăn cho các cơ quan thực thi quyền SHTT tại biên giới, là một trong những nguyên nhân dẫn đến khó khăn cho việc xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp Việt Nam.

Bởi vậy, Luận văn đề xuất:

- Bỏ quy định kiểm soát hàng xuất khẩu;
- Giới hạn việc kiểm soát chỉ đối với hàng nhập khẩu;
- Chỉ kiểm soát hàng nhập khẩu nếu xâm phạm quyền tác giả và quyền đối với nhãn hiệu (thay vì kiểm soát tất cả các đối tượng của quyền SHTT như hiện nay).

3.2.5. Giải pháp phối giữa các cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ

Thẩm quyền áp dụng biện pháp hành chính của cơ quan xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT quy định tại khoản 3 Điều 200.3 Luật SHTT cụ thể như sau:

- Cơ quan Thanh tra Khoa học và Công nghệ có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp xảy ra trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, khai thác, quảng cáo, lưu thông, trừ hành vi xảy ra trong xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

- Cơ quan Quản lý thị trường có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm về sở hữu công nghiệp xảy ra trong lưu thông hàng hóa và kinh doanh thương mại trên thị trường.

- Cơ quan Hải quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm về sở hữu công nghiệp xảy ra trong xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

- Cơ quan Công an có thẩm quyền phát hiện, xác minh, thu thập thông tin, chứng cứ của hành vi vi phạm về sở hữu công nghiệp và cung cấp cho các cơ quan xử lý vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này và xử lý các hành vi vi phạm về sở hữu công nghiệp;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm về sở hữu công nghiệp xảy ra tại địa phương mà mức phạt, hình thức xử phạt, biện pháp xử lý áp dụng đối với hành vi đó vượt quá thẩm quyền của các cơ quan.

Phân tích quy định trên ta thấy cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT khó có thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, vì những lý do:

- Việc phân định phạm vi xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT giữa các cơ quan có thẩm quyền là chưa cụ thể, quy định về phạm vi còn mang tính chất chung chung;

- Nếu theo quy định trên thì Thanh tra KH&CN và Cơ quan Quản lý thị trường cùng có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN xảy ra trong hoạt động kinh doanh và lưu thông trên thị trường;

- Trường hợp cụ thể nào Cơ quan Thanh tra KH&CN có thẩm quyền, trường hợp nào Cơ quan Quản lý thị trường có thẩm quyền giải quyết

Bởi vậy rất cần có quy định phân định chức năng cụ thể, nếu không quy định cụ thể rõ ràng thì rất có thể xảy ra tình trạng xung đột chức năng (cả xung đột tích cực và xung đột thụ động) giữa các cơ quan có thẩm quyền.

3.2.6. Giải pháp tăng cường vai trò của tòa án

Mảng then chốt nhất của thực thi pháp luật về SHTT là xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT. Theo Luật SHTT, chỉ một số trường hợp xâm phạm quyền SHTT mới bị xử phạt bằng biện pháp hành chính như sao chép lậu; sản xuất, kinh doanh hàng giả; hành vi xâm phạm quyền SHTT, gây thiệt hại cho người tiêu dùng và xã hội... Các trường hợp xâm phạm còn lại với số lượng lớn hơn nhiều đều phải chuyển qua cơ chế tài phán, trong đó có cơ quan tòa án để giải quyết bằng biện pháp dân sự.

Nhưng thực tiễn hoạt động của hệ thống tòa án cho thấy, số lượng các vụ việc tranh chấp, xâm phạm quyền SHTT được xét xử tại tòa án trong những năm qua là hết sức hạn chế, không đáng kể so với số vụ được xử lý hành chính.

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động xét xử tranh chấp, xâm phạm quyền SHTT tại tòa án, Luận văn đề xuất:

- Ban hành quy định hướng dẫn cụ thể về thủ tục giải quyết các tranh chấp, xâm phạm quyền SHTT theo nguyên tắc bảo đảm thủ tục xét xử kịp thời, nhanh chóng, đáp ứng được các yêu cầu đặc thù trong giải quyết các tranh chấp, xâm phạm quyền SHTT.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức pháp luật về SHTT cho các thẩm phán; xây dựng đội ngũ thẩm phán chuyên trách về SHTT.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật hiện hành về SHTT, bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ và thống nhất cho các tòa án khi xét xử các tranh chấp, xâm phạm về SHTT.

- Xác định rõ giới hạn, phạm vi các tranh chấp, xâm phạm về SHTT có thể xử lý bằng các chế tài dân sự, hành chính hoặc hình sự, tránh tình trạng lạm dụng các chế tài hành chính.

Hệ thống tư pháp ở Việt Nam hiện chưa có tòa chuyên trách về SHTT, để đảm bảo yêu cầu thực thi hữu hiệu pháp luật về SHTT, cần nghiên cứu mô hình tòa chuyên trách về SHTT ở một số quốc gia để tiến tới thành lập tòa chuyên trách về SHTT bên cạnh các tòa, như Tòa Dân sự, Tòa Lao động, Tòa hành chính, Tòa Hình sự, Tòa Kinh tế, ...

Tiểu kết chương 3

Từ những bất cập đưa ra ở chương 2, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa pháp luật về sở hữu trí tuệ, đáp ứng tình hình của Việt nam trong quá trình hội nhập quốc tế:

Thứ nhất, giải pháp đối với những bất cập trong quy định quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam: Tiếp tục hoàn thiện các văn bản pháp luật về điều kiện bảo hộ giải pháp hữu ích, quy định rõ ràng hơn trong việc xác định phạm vi bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, luật hóa các chi tiết các nguyên tắc bảo hộ chỉ dẫn địa lý; xây dựng các đạo luật riêng để điều chỉnh đối với từng đối tượng của quyền SHTT; thiết lập cơ chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thích hợp.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thực hiện pháp luật sở hữu trí tuệ: Rà soát quy trình thủ tục đăng ký bảo hộ quyền SHCN; xây dựng chính sách về tài chính nhằm khuyến khích thúc đẩy các hoạt động sản xuất; đảm bảo việc thực hiện cơ chế, chính sách về SHTT theo hướng hiệu quả đồng bộ; các cơ quan Bộ, ngành cần chú trọng xây dựng và triển khai thực hiện các văn bản pháp luật về SHTT; nâng cao hơn nữa vai trò của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Thứ ba, giải pháp về cải thiện và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: xây dựng hệ thống đầu tư về nguồn nhân lực; tuyên truyền phổ biến về SHTT; tạo điều kiện để cán bộ SHTT được tham gia học tập dài hạn tại các tổ chức quốc tế về sở hữu trí tuệ.

Thứ tư, tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế trong thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam; kiện toàn hệ thống cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

KẾT LUẬN

Vị trí và vai trò của sở hữu trí tuệ trong cuộc sống kinh tế, văn hóa và xã hội của Việt Nam cũng như đối với tất cả các quốc gia trên thế giới đang ngày càng được khẳng định. Cũng bởi ý nghĩa đó, đòi hỏi Việt Nam cần phải đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ để chống lại những hành vi vi phạm pháp luật xâm hại tới lợi ích của Nhà nước, của xã hội và của chủ thể quyền SHTT, đồng thời tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài gia tăng quan hệ đầu tư, thương mại... ở nước ta trong môi trường lành mạnh về SHTT. Trong khi ở nước ta hiện nay hành vi xâm phạm quyền tác giả (QTG), quyền liên quan (QLQ), quyền sở hữu công nghiệp (QSHCN) và quyền đối với giống cây trồng (QĐVGCT) vẫn diễn ra thường xuyên và có xu hướng ngày càng phức tạp gây khó khăn cho doanh nghiệp khi thực thi quyền

của mình. Hệ thống thực thi quyền sở hữu trí tuệ nằm ở nhiều cơ quan, một số quy định chưa được chi tiết, rõ ràng. Do đó, cần điều chỉnh hệ thống pháp luật để thực thi quyền sở hữu trí tuệ đạt hiệu quả, duy trì lòng tin của doanh nghiệp vào việc bảo vệ hợp lý cho đầu tư của mình. Để làm được điều đó Việt Nam cần có một hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ hoàn thiện để có tác động thúc đẩy quá trình chủ động hội nhập kinh tế trong giai đoạn hiện nay và trong tương lai.

Việt Nam muốn phát triển nhanh và bền vững để khẳng định vị thế của mình trên trường quốc tế thì cần phải đặc biệt quan tâm đến khoa học, công nghệ, đẩy mạnh các hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Những thách thức đặt ra đối với một nước đang phát triển như Việt Nam, vốn có xuất phát điểm khá thấp trong khu vực, thì từ góc độ quyền SHTT, đặc biệt là những mặt tiêu cực như chi phí cao trong sử dụng, khai thác tài sản trí tuệ, khó khăn trong tiếp cận hệ thống SHTT, đòi hỏi Việt Nam phải xây dựng Chiến lược SHTT quốc gia thích hợp, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thực hiện pháp luật sở hữu trí tuệ; kiện toàn hệ thống cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường hơn nữa hoạt động hợp tác quốc tế trong thực thi quyền sở hữu trí tuệ, đáp ứng được điều kiện trong nước và quốc tế, trong đó việc xây dựng và phát triển hệ thống sở hữu trí tuệ của Việt Nam trong bối cảnh Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 cần phát huy được tiềm năng và giá trị của tài sản trí tuệ phục vụ sự phát triển hoạt động đổi mới sáng tạo và kinh tế - xã hội của nước nhà.,.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam (2005), *Luật sở hữu trí tuệ*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam (2009), *Luật sở hữu trí tuệ (sửa đổi)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 – 2020*.
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*.

II. CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Văn Bảy (2011), Giải quyết xung đột giữa nhãn hiệu và tên thương mại trong quá trình thực thi quyền sở hữu trí tuệ, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế *Thực thi quyền SHTT ở Việt Nam sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO*, do Trường Đại học KHXH&NV và Viện KAZ (CHLB Đức) tổ chức 02.2011
2. Nguyễn Vĩnh Diện (2014): “*Vấn đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*” Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội.
3. Trần Văn Hải (2009), *Thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của WTO: lợi ích quốc gia hay uy tín quốc tế?* Tạp chí Hoạt động khoa học, số 610 tháng 3.2010, tr. 14-16
4. Trần Văn Hải (2010), *Những bất cập trong quy định của pháp luật SHTT Việt Nam hiện hành về quyền tác giả, quyền liên quan*, Tạp chí luật học số 7 (122) 7.2010.
5. Trần Văn Hải (2011), *Thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ - Vấn đề và giải pháp*, Đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, Mã số QX.09-12
6. Lê Hồng Hạnh - chủ biên (2004) “*Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam, những vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia
7. Kamil Idris (2005): *Sở hữu trí tuệ, một công cụ đắc lực để phát triển kinh tế*, Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (Bản dịch tiếng Việt của Chương trình hợp tác đặc biệt Việt Nam - Thụy Sĩ về Sở hữu trí tuệ)
8. Lê Văn Kiều (2011), Các biện pháp bảo hộ sở hữu trí tuệ, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế *Thực thi quyền SHTT ở Việt Nam sau khi gia nhập Tổ*

chức Thương mại Thế giới WTO, do Trường Đại học KHXH&NV và Viện KAZ (CHLB Đức) tổ chức 02.2011

9. Lê Hương Thảo (2014), “Thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập” đăng trên trang thông tin điện tử của công ty Luật TNHH Minh Khuê (<https://luatminhkhue.vn>);

10. TS Nguyễn Như Quỳnh (2015) “Thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong bối cảnh hội nhập quốc tế” đăng trên trang thông tin www.nhandan.org.vn;

11. Nguyễn Văn Việt (2012), *Thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với Kiểu dáng công nghiệp tại Việt Nam và kinh nghiệm từ một số quốc gia trên thế giới*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật (Đại học quốc gia Hà Nội), Hà Nội.

12. Các văn bản quy phạm pháp luật về SHTT

13. Các điều ước quốc tế về SHTT

Tiếng Anh

14. Bronder Axel and Erik Persson (2013), *Design, Implementation and Evaluation of a Mobile GIS Solution for a Land Registration Project in Lesotho*. Master of Science Thesis in Geoinformatics. TRITA-GIT EX 13-005 School of Architecture and the Built Environment. Royal Institute of Technology (KTH). Stockholm, Sweden June 2013

15. Sebatien Bouvatier (2015), *Geographical indication and control: experience of France*, Regional Seminar on geographical indication control

16. William Cornish, David Llewelyn (2003), *Intellectual Property: Patents, Copyright, Trade Marks, and Allied Rights*, Sweet & Maxwell, London